

Bản án số: 94/2024/DS-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số I ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý B, sinh năm 1990 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Bà Hồ Thị H1, sinh năm 1985 (có mặt);

2. Ông Phan Văn K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Minh T.

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H trình bày:

Vào ngày 13/01/2022, bà H có cho vợ chồng bà H1, ông K vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, được ông K đại diện cho bà H1 ký tên làm biên nhận cho bà H giữ. Kể từ ngày vay bà H1 có đóng lãi cho bà H từ tháng 02 đến tháng 9 năm 2022 là 08 tháng x 4.000.000 đồng, thành số tiền 32.000.000 đồng, đến tháng 10 năm 2022 ngưng đóng lãi. Đến tháng 12/2022 bà H1 có trả cho bà H nhiều lần với số tiền tổng 65.000.000 đồng, nhưng không nhớ cụ thể ngày đóng là ngày nào. Như vậy, lãi suất phát sinh do bà H tạm tính như sau: 200.000.000 đồng (nợ gốc) x 23 tháng (tính từ ngày 13-01-2022 đến tháng 12 năm 2023) x 1,66%/tháng, thành số tiền lãi là 76.360.000 đồng. Do đó, thành tổng số nợ là 200.000.000 đồng (nợ gốc) + 76.360.000 đồng (lãi suất) = 276.360.000 đồng - 65.000.000 đồng (trả nợ gốc) - 32.000.000 đồng (tiền lãi), còn lại số nợ là 179.360.000 đồng nhưng vợ chồng bà H1, ông K không chịu trả cho bà H.

Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Phan Văn K và bà Hồ Thị H1 trả cho bà H tổng số tiền 179.360.000 đồng, trong đó số tiền 135.000.000 đồng (nợ gốc) + 44.360.000 đồng (tiền lãi) và yêu cầu ông Phan Văn K và bà Hồ Thị H1 trả cho bà H lãi suất theo quy định của pháp luật đến khi xét xử sơ thẩm.

- Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Theo đơn khởi kiện bà H đồng ý trừ số nợ bà H1 đã đóng vào thời gian tháng 12/2022 số tiền tổng 65.000.000 đồng trừ vào tiền nợ gốc. Nhưng nay do bà H1 không làm đúng cam kết nên bà H không đồng ý trừ vào tiền gốc mà yêu cầu trừ vào tiền lãi. Từ khi khởi kiện ngày 16/12/2023 cho đến nay bà H2 có trả cho bà H được tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Như vậy, tổng số nợ phát sinh do H tạm tính như sau: 200.000.000 đồng (nợ gốc) x 33 tháng (lãi phát sinh từ ngày 13/01/2022 đến ngày 17/9/2024) x 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 109.560.000 đồng. Như vậy, tổng nợ là 309.560.000 đồng - 32.000.000 đồng - 65.000.000 đồng - 45.000.000 đồng, nợ gốc còn lại 167.560.000 đồng. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị H1 và ông Phan Văn K liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc còn là 167.567.000 đồng.

- Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Hồ Thị H1 trình bày:

Bà thống nhất, vào ngày 13/01/2022, ông K là chồng bà có vay số tiền gốc 200.000.000 đồng của bà H là đúng, hai bên có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận theo biên nhận là 02%/tháng. Kể từ ngày vay ông K có đóng lãi cho bà H từ tháng 02 đến tháng 9 năm 2022 là 08 tháng x 4.000.000 đồng, thành số tiền 32.000.000 đồng, đến tháng 10 năm 2022 thì ngưng đóng lãi. Sau đó đến tháng 12/2022 ông K

có trả cho bà H nhiều lần với số tiền gốc tổng là 65.000.000 đồng nhưng không nhớ cụ thể ngày đóng là ngày nào.

Từ khi khởi kiện ngày 16/12/2023 cho đến nay bà H1 có trả cho bà H được tổng cộng là 45.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền gốc ông K có trả cho bà H là 110.000.000 đồng, số nợ gốc còn nợ lại là 90.000.000 đồng, đây là nợ riêng của ông K do ông K vay làm ăn nhưng bà và ông K là vợ chồng nên bà đồng ý cùng ông K trả số nợ gốc 90.000.000 đồng này. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, bà xin trả tiền gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả liên tiếp cho đến khi hết nợ. Còn tiền lãi, bà xin không đóng lãi do thời điểm hòa giải tại trường học nơi bà công tác là vào ngày 16/11/2022 thì bà H có đồng ý không yêu cầu bà trả lãi nữa.

- *Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh T là bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Lý B, yêu cầu bà Hồ Thị H1, ông Phan Văn K liên đới trả cho bà H tổng số tiền gốc còn lại là 167.567.000 đồng.

- *Đối với bị đơn ông Phan Văn K:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H1 và ông K trả cho bà H số tiền nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Phan Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc còn lại là 167.567.000 đồng.

[2.1] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn và bị đơn là bà H1 đều thống nhất vào ngày 13/01/2022, ông K vay số tiền gốc 200.000.000 đồng của bà H. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông K và bà H1 đã trả cho bà H được tổng số tiền là 142.000.000 đồng. Đối với ông Phan Văn K, ông K đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc vay số tiền gốc 200.000.000 đồng và trả số tiền là 142.000.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xem xét về tiền nợ gốc và lãi như sau: Thời điểm vay nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai bên có thỏa thuận lãi là 02%/ tháng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền vay là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền gốc là 200.000.000 đồng vay vào ngày 13/01/2022, đóng lãi đến ngày 13/9/2022 là 32.000.000 đồng, do đó tiền lãi suất cần được tính như sau:

Từ ngày 13/01/2022 đến 13/9/2022 là 08 tháng: $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 8 \text{ tháng} = 26.560.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi vượt cần trừ vào gốc là $32.000.000 \text{ đồng} - 26.560.000 \text{ đồng} = 5.400.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền gốc còn lại là $200.000.000 \text{ đồng} - 5.400.000 \text{ đồng} = 194.600.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi từ ngày 14/9/2022 đến ngày thanh toán lần đầu tiên (theo sổ ghi chép bị đơn) do ông T nhận là ngày 08/12/2022 là 02 tháng 25 ngày $\times 194.600.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} = 9.152.600 \text{ đồng}$.

Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/12/2023 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng 65.000.000 đồng. Từ ngày 07/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn thanh toán cho nguyên đơn được 45.000.000 đồng. Theo biên bản ngày 16/11/2022 các bên thỏa thuận không tính lãi, cho bị đơn thanh toán dần số tiền nợ gốc, năm đầu tiên trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, từ năm thứ hai trả mỗi tháng 7.000.000 đồng. Tuy nhiên đến tháng thứ 13 là ngày 07/12/2023 thỏa thuận thanh toán 7.000.000 đồng nhưng bị đơn chỉ thanh toán được 5.000.000 đồng, không đúng theo thỏa thuận nên số tiền 65.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn cần được hiểu là trả tiền nợ gốc. Từ ngày 07/12/2023 thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên số tiền đóng cần tính là nợ lãi và lãi tính từ ngày vi phạm là ngày 07/12/2023 là có cơ sở.

Từ ngày 08/12/2022 đến đến ngày 07/12/2023, bị đơn thanh toán được số tiền gốc là 65.000.000 đồng nên số tiền gốc tính đến ngày 07/12/2023 là: $194.600.000 \text{ đồng} - 65.000.000 \text{ đồng} = 129.600.000 \text{ đồng}$.

Tiền lãi từ ngày 07/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2024 là: $129.600.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} \times 20\%/\text{năm} = 20.592.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi dư bị đơn đóng là: $45.000.000 \text{ đồng} - 20.592.000 \text{ đồng} - 9.152.600 \text{ đồng} = 15.255.400 \text{ đồng}$. Số tiền lãi vượt cần trừ vào gốc là $129.600.000 \text{ đồng} - 15.255.400 \text{ đồng} = 114.344.600 \text{ đồng}$. Như vậy tính đến nay xét xử sơ thẩm bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn xong và còn nợ lại tiền nợ gốc là 114.344.600 đồng.

[3] Bà H1 và ông K vay tiền của bà H từ ngày ngày 13/01/2022, thỏa thuận trả đủ số tiền khi bà H có yêu cầu. Tuy nhiên đến tháng 10 năm 2022 bà H1 ông K ngưng đóng lãi, bà H yêu cầu trả số nợ nhưng bà H1, ông K vẫn chưa trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà bà H1 và ông K liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc 114.344.600 đồng là có căn cứ.

[4] Xét ý kiến của bà H1 xin trả dần số nợ nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý, đại diện nguyên đơn yêu cầu trả một lần hết số nợ. Hội đồng xét xử xét thấy do bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận ban đầu và vi phạm nghĩa vụ

trả nợ theo biên bản hòa giải tại trường học ngày 16/11/2022 nên ý kiến xin trả dần của bà H1 không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn bà H1, ông K có nghĩa vụ liên đới trả tiền nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.717.200 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà H không phải phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H đối với bị đơn bà Hồ Thị H1 và ông Phan Văn K.

1. Buộc bị đơn bà Hồ Thị H1 và ông Phan Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H số tiền nợ là 114.344.600 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Hồ Thị H1 và ông Phan Văn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.717.200 đồng (Năm triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, hai trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Ngọc H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.484.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000213 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến